TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2026/QĐST-DS	*Ninh Bình, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 212; Điều 213; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Đỗ Hữu T, sinh năm 1986; Số CCCD: 036086007220; Địa chỉ: Số I L, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Bị đơn***:

1. Ông Đặng Hồng T1. Sinh năm 1971; số căn cước: 036071010665; nơi cư trú: Số I T, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: Công ty TNHH T2, tổ dân phố T, phường T, tỉnh Ninh Bình.

2. Ông Đặng Xuân P, sinh năm 1979; số căn cước công dân: 036079010337; nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Ninh Bình.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ngân hàng N (A); Địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hùng C; chức vụ: Phó Giám đốc A Chi nhánh B; địa chỉ: Lô I, khu công nghiệp H, đường P, phường T, tỉnh Ninh Bình (Giấy ủy quyền số 04/GUQ-NHNoBNĐ-TH ngày 03-6-2026)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và người có trách nhiệm trả nợ:

- Về số tiền nợ: Tính hết ngày 15-7-2026, ông Đặng Hồng T1 còn nợ ông Đỗ Hữu T tổng số tiền nợ là 6.431.062.500 đồng *(Sáu tỷ bốn trăm ba mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 4.050.000.000 đồng (Bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi tính đến ngày 15-7-2026 là 2.381.062.500 đồng (Hai tỷ ba trăm tám mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Toàn bộ khoản nợ gốc và lãi là 6.431.062.500 đồng *(Sáu tỷ bốn trăm ba mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)* xác định là số tiền ông Đặng Hồng T1 vay của ông Đỗ Hữu T; ông Đặng Xuân P chỉ là người làm chứng không sử dụng và được hưởng lợi từ số tiền vay này.

- Ông Đỗ Hữu T, ông Đặng Hồng T1, ông Đặng Xuân P cùng thống nhất: Ông Thái chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tổng là 6.431.062.500 đồng *(Sáu tỷ bốn trăm ba mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)* cho ông T; ông P không phải thanh toán bất kỳ khoản nào liên quan đến khoản nợ.

- Ngoài số nợ gốc và lãi đã thỏa thuận trên, ông Đặng Hồng T1 không còn nợ ông Đỗ Hữu T bất kỳ khoản tiền nào khác. Mọi giấy tờ liên quan đến việc vay nợ trước thời điểm Tòa án ra quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự đều được coi là giải quyết xong và không còn giá trị.

2.2. Thời gian trả nợ: Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự được Tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật thì ông Đặng Hồng T1 phải trả cho ông Đỗ Hữu T toàn bộ khoản nợ gốc và lãi trên là 6.431.062.500 đồng *(Sáu tỷ bốn trăm ba mươi mốt triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu T về xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 99, tờ bản đồ số 26, diện tích 23.899m², địa chỉ tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cũ đã được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CB 224946 ngày 22-7-2016 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Hồng T1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 57.215.531 đồng *(Năm mươi bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng)*;

- Trả lại cho ông Đỗ Hữu T số tiền tạm ứng án phí là 56.025.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3425 ngày 06-05-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ninh